

PHỤ LỤC 3a: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN

(Kèm theo Quyết định số: 394 /QĐ-UBND ngày 15/02/2024 của UBND tỉnh Bình Dương)

STT	HẠNG MỤC	Diện tích QH (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Xã, phường	Vị trí, Số tờ, Số thửa
I	Công trình chuyển tiếp					
a	Công trình chuyển mục đích sử dụng đất					
1	Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng nhôm (Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt)	4,84		4,84	Đất Cuốc	Thửa 14 tờ 5
2	Khu khai thác sét gạch ngói Tân Bình 1 (Công ty TNHH Hoàng Gia Trung)	13,18		13,18	Tân Bình	Tờ bản đồ số 4
3	Khu chế biến, bãi thải phục vụ khai thác đá xây dựng Thường Tân III của Công ty CP xây dựng Bình Dương	8,10		8,10	Thường Tân	Thửa đất số 146 đến 153, 165 đến 177, 191, 192; 450, 484, 461 đến 466, 632, 121, 120, 455 tờ bản đồ số 30
4	Khu khai thác đá của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Hồng Đạt	16,00		16,00	Thường Tân	
5	Khai thác khoáng sản (đá xây dựng) của Công ty sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Thịnh	15,22		15,22	Tân Mỹ	Tờ bản đồ số 50, 59
6	Dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Công ty TNHH Lan Anh Foods)	1,50		1,50	Đất Cuốc	Thửa 662 tờ 38
7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Công ty TNHH TM DV XD SX Triệu Phú Lộc)	11,45		11,45	Tân Lập	Thửa đất số 116, 113, 95, 110, 111, 2, 3, 5 94, 117 tờ 17
8	Dự án trạm đăng kiểm của Công ty TNHH ĐT PT DV KT Thái Hòa	0,73		0,73	Tân Bình	Thửa 262 tờ 28
9	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu (Công ty TNHH TM DV Xăng Dầu Mai Anh)	0,18		0,18	Tân Định	Thửa đất số 555, tờ 25
10	Khai thác vật liệu xây dựng của Công ty CP XD Bình Dương	0,56		0,56	Thường Tân	Thửa 585, 21, 22 tờ 24, 30
11	Chợ Tân Lập của HTX cao su Nhật Hưng	0,26		0,26	Tân Lập	Thửa đất số 102, 103, 459, tờ bản đồ số 9
12	Dự án khu nhà ở Tân Mỹ (Công ty TNHH ĐT BDS Tân Mỹ)	5,76		5,76	Đất Cuốc	Thửa 501 tờ 5
13	Khu nhà ở Thái Bình (Công ty CP ĐT ĐA ố Đất Thủ)	2,07		2,07	Tân Bình	Thửa 188, 189, 196, 392 tờ 19
14	Khu nhà ở Bình Mỹ 3 (Công ty CP BDS Bắc Bình Dương)	32,62		32,62	Bình Mỹ	Tờ bản đồ số 44, 46
15	Dự án sản xuất kinh doanh (Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Đại Đông Hồ)	1,10		1,10	Tân Bình	Thửa 82 tờ 22
16	Dự án sản xuất kinh doanh (Công ty TNHH bao bì Tân Trường Phát)	1,67		1,67	Tân Định	Thửa 122 tờ 17
17	Dự án khu nhà ở (Công ty CP Đầu tư và Phát triển BDS Hồng Phúc)	5,33		5,33	Tân Lập	Thửa số 29, 106 tờ 17
18	Dự án khu nhà ở (Công ty CP Đầu tư và Phát triển BDS Hồng Phúc)	7,80		7,80	Tân Lập	Thửa 48 tờ 18
19	Dự án khu nhà ở (Công ty CP VANILUX - khu dân cư VANILUX)	5,56		5,56	Bình Mỹ	Tờ 64; 65
20	Công ty TNHH Dịch vụ Lộc Hồng Phúc	1,54		1,54	Tân Mỹ	Thửa 105, 132 tờ 9
21	Dự án Sân phơi gạch của Công ty CP gạch VINA	3,72		3,72	Tân Mỹ	Tờ 37, 47, 9
22	Dự án băng chuyển vượt đường tại Mỏ đá Thường Tân III (Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Dương)	0,09		0,09	Thường Tân	Thửa 189,194 tờ 29
23	Bến thủy nội địa Thường Tân III (Công ty CP XD Bình Dương)	0,29		0,29	Thường Tân	Thửa 303 tờ 29
24	Bến thủy nội địa Bảo Thy 2 (Công ty Bảo Thy)	0,17		0,17	Thường Tân	Thửa 138 tờ 32
25	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Bảo Thy	0,16		0,16	Thường Tân	Thửa 621 tờ 21
26	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Liên Hiệp	0,86		0,86	Thường Tân	Thửa 45; 385, 386; 43, 101 tờ 33;31;32
27	Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Bình Mỹ	0,05		0,05	Bình Mỹ	Thửa 276 tờ 52
28	Dự án mở rộng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của DNTN Trạm xăng dầu Bảo Yến	0,07	0,04	0,03	Tân Định	Thửa 820 tờ 21
29	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Công ty TNHH MTV Gia Phước - chi nhánh 2	0,09		0,09	Tân Mỹ	Thửa 847, Tờ 47
30	Công ty CP Khoáng sản Thái Bình	9,66		9,66	Thường Tân	Tờ bản đồ số 24
31	Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	11,68		11,68	Tân Mỹ	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 58, 59, 64
32	Công ty CP VLXD BICONSI	11,41		11,41	Đất Cuốc	Thửa 101; 43, 57, 76, 44, 45, 79 tờ 5; 21
33	Công ty TNHH Phan Thanh	3,94		3,94	Thường Tân	Thửa 68, 865, 863, 1 pt 139, 1 pt 67, 889 tờ 25; 26; 31
34	Công ty CP Khoáng sản XD Tân Uyên FICO	12,54		12,54	Thường Tân	Tờ 9, 8, 18, 19, 32
35	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Liên Hiệp	3,99		3,99	Thường Tân	Tờ 26, 32
36	Công ty TNHH Hóa An Tân Uyên	0,87		0,87	Thường Tân	Tờ 16
37	Công ty TNHH SX VL XD Hưng Thịnh	8,80		8,80	Thường Tân	Tờ 24
38	Công ty TNHH SX VL XD Hưng Thịnh	8,10		8,10	Tân Mỹ	Tờ 59

STT	HẠNG MỤC	Diện tích QH (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Xã, phường	Vị trí, Số tờ, Số thửa
39	Công ty CP Miền Đông	18,80		18,80	Tân Mỹ	Tờ 59, 60, 50, 51, 6, 7, 15
40	Công ty CP XD Bình Dương	14,01		14,01	Thường Tân	Tờ 24; 30; 29
41	HTX Phước Lộc	1,26		1,26	Tân Bình	Thửa 537, 513, 512, 511, 458, 457, 418, 419, 420, 421, 443, tờ 4
42	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Gia Phước	0,14		0,14	Tân Mỹ	Thửa đất số 380 tờ bản đồ số 35
43	Trạm xăng dầu Bảo Yên	0,02		0,02	Tân Định	Thửa đất số 838 tờ bản đồ số 21
44	Trạm xăng dầu Phát Đại Lộc	0,07		0,07	Tân Lập	Thửa đất số 496 tờ bản đồ số 9
45	cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Chi nhánh DNTN Đại Thống Nhất	0,06		0,06	Thường Tân	Thửa đất số 487, tờ bản đồ số 22
46	Trạm xăng dầu Hai Nơ	0,02		0,02	Tân Định	Thửa đất số 458 tờ bản đồ số 19
47	Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Văn	0,17		0,17	Lạc An	Thửa đất số 825, 826 và 827 tờ bản đồ số 33
48	Trạm xăng dầu Huyện Linh – DNTN XD Huyện Linh	0,06		0,06	Tân Thành	Thửa đất số 103 tờ bản đồ số 10
49	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Luân Long - Công ty TNHH Luân Long	0,03		0,03	Thường Tân	Thửa đất số 266, 195 tờ bản đồ số 12
50	Trạm xăng dầu của Công ty TNHH MTV Trạm Xăng dầu Đức Chung	0,04		0,04	Bình Mỹ	Thửa đất số 535 tờ bản đồ số 42
51	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Thủy Duyên	0,03		0,03	Thường Tân	Thửa đất số 578 tờ bản đồ số 28
52	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Trí Minh Phát	0,03		0,03	Thường Tân	Thửa đất số 155 tờ bản đồ số 32
53	Trạm xăng dầu Tân Lập – Công ty TNHH MTV xăng dầu Tân Lập	0,05		0,05	Tân Lập	Thửa đất số 341 tờ bản đồ số 11
54	Dự án khai thác gạch ngói Tân Bình 4 (Công ty TNHH Minh Đạo)	14,00		14,00	Tân Bình	Tờ bản đồ số 4, 5, 15
55	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH Bảo Thành)	6,20		6,20	Thường Tân, Tân Mỹ	4,7ha tại tờ bản đồ số 10, xã Thường Tân và 1,5ha tại tờ bản đồ số 62 xã Tân Mỹ
56	Khu nhà ở (Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam)	5,59		5,59	Đất Cuốc	Thửa đất số 7, 8, 9, 10, 11, 16, 26, 27, 42, 43, 44, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 30
57	Khu thương mại dịch vụ (Công ty TNHH TV DV TM&XD Địa ốc Tân Lập)	0,32		0,32	Tân Lập	Thửa đất số 188, tờ bản đồ số 12
58	Dự án mỏ đá Tân Mỹ (Công ty TNHH SX TM DV Tân Tân Mỹ)	10,10		10,40	Tân Mỹ	Tờ bản đồ số 49, 50, 59
59	Dự án sản công nghiệp và công trình phụ trợ (Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Long Sơn)	4,95		4,95	Thường Tân	Tờ bản đồ số 18, 26
60	Dự án nhà xưởng cho thuê (Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam)	30,10		30,10	Đất Cuốc	Tờ 26
61	Dự án sản xuất kinh doanh (Công ty TNHH MTV TMSX Thịnh Phú Phát Furniture)	2,90		2,90	Tân Mỹ	thửa 33, 528, 589 tờ 50
62	Dự án khu nhà xưởng (Công ty TNHH Cát Tường Bình Dương (khu nhà xưởng Thành Lợi - Tân Mỹ 2))	15,78		15,78	Tân Mỹ	thửa 186 tờ 49; thửa 138, 139, 140, 141, 144, 145, 146, 184 tờ 9
63	Dự án cửa hàng xăng dầu (Công ty TNHH Đang Phát Lộc)	1,00		1,00	Hiếu Liêm	thửa 162 tờ 9
64	Dự án khu nhà ở (Công ty CP BĐS L&H)	19,10		19,10	Tân Lập	thửa số 28, 29, 106, 31, 27, 92 tờ 27
65	Dự án khu nhà ở Quang Phúc 4 (Công ty CP ĐT PT BĐS Bắc Tân Uyên)	24,81		24,81	Bình Mỹ	Tờ bản đồ số 42, 43
66	Dự án khu nhà ở (Công ty TNHH Tân Lập Villa)	11,28		11,28	Tân Lập	Tờ bản đồ số 5, 6, 7, 8 (Thửa 1048, 777, 778, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 930, 933, 783, 983, 979, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 866, 867, 868, 798, 799, 800, 801, 803, 804, 862, 863, 864, 865, 921, 1150, 699, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 805, 806, 807, 779, 780, 781, 782, 984, 985, 887, 888, 889, 890, 899, 900, 902, 903, 821, 838, 839, 840, 884, 885, 886, 904, 905, 982, 882, 908, 909, 910, 911, 915, 916; 25, 26, 308, 309, 310, 311, 312, 322, 24, 219, 244; 48, 49, 60, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47; 5, 4, 107, 108, 1, 2; tờ 5; 8; 6; 7)
67	Dự án khu nhà ở (Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Phú Gia Hưng)	7,97		7,97	Đất Cuốc	Thửa 163, 162, 55, 57, 164, 177, 447, 158, 184, 185, 181, 174, 178, 195, 173, 189, 678 tờ 5; thửa 102, 103 tờ 39
68	Dự án đầu tư của ông Nguyễn Văn Khuê	0,05		0,05	Tân Mỹ	thửa 847 tờ 47

STT	HẠNG MỤC	Diện tích QH (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Xã, phường	Vị trí, Số tờ, Số thửa
69	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung	0,05		0,05	Đất Cuốc	Thửa 20, Tờ 36 (mặt tiền ĐH415)
70	Công ty TNHH TMDV Xây dựng sản xuất Triệu Phú Lộc	0,15		0,15	Tân Lập	thửa 217 tờ 8 (mặt tiền đường Tân Lập 40)
71	Trạm xăng dầu Khôi Nguyên	0,10		0,10	Tân Thành	thửa 132 tờ 26
72	Công ty TNHH SX TM DV Tân Tân Mỹ	11,20		11,20	Tân Mỹ	Tờ 49, 50, 59
73	Công ty CP đá Hoa Tân An	6,20		6,20	Thường Tân	Tờ 24; 25; 30; 31
74	Công ty TNHH Đá xây dựng Bình Dương	1,90		1,90	Thường Tân	Thửa 491, 492; 881 tờ 17; 25
75	Công ty Cổ phần Miền Đông	16,86		16,86	Thường Tân	Tờ 17, 16, 18, 26
76	Công ty CP Khoáng sản Thái Bình	1,29		1,29	Thường Tân	Thửa 701, 755, 748 tờ 24
77	Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	8,33		8,33	Tân Mỹ	Thửa 645, 699, 1227, 1228, 1229, 1230, 938, 1226, 1158, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 208, 294; (tờ 58) 389, 402, 374, 388, 403 (tờ 59), 30, 31, 44, 102, 103, 104, 105, 117, 118, 37, 38, 39, 40, 115, 33, 34, 35, 36, 41, 42, 43, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 116, 32, 106, 107, 108 (tờ 64) tờ 58, 59, 68
78	Khu nhà ở công nhân Thành Lợi - Tân Mỹ 2 (Công ty TNHH Cát Tường Bình Dương)	0,30		0,30	Tân Mỹ	thửa 440, 441, 442, 443, 917 tờ 48
79	Dự án Khu nhà ở Charm LakeView	5,60		5,60	Đất Cuốc	7, 8, 9, 10, 11, 16, 26, 27, 42, 43, 44 (tờ 29); 25 (tờ 30)
b	Công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa					
1	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH Phan Thanh)	21,00	18,50	2,50	Thường Tân	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 25, 26, 31
2	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty CP Khoáng sản XD Tân Uyên FICO)	30,23	27,63	2,60	Thường Tân	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ từ bản đồ số 9, 8, 18
3	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Liên Hiệp)	24,64	24,59	0,05	Thường Tân	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 26
4	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH Hóa An Tân Uyên)	32,40	27,84	4,56	Thường Tân	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 15, 16, 23
5	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH SX VL XD Hưng Thịnh)	26,80	17,73	9,07	Tân Mỹ	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 50, 59, 16, 51
6	Khu xử lý rác thải (Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ)	78,55	73,68	4,87	Tân Mỹ	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 43
7	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty CP Miền Đông)	17,96	8,01	9,95	Tân Mỹ	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 59, 60, 50, 51, 6, 7
8	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH Bảo Thành)	33,68	24,38	9,30	Thường Tân	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số từ 10
9	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty CP XD Bình Dương)	46,30	38,20	8,10	Thường Tân	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 24, 30, 29
10	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty CP đá Hoa Tân An)	69,30	59,50	9,80	Thường Tân	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 24, 25, 30, 31
11	Mỏ sét gạch ngói (HTX Phước Lộc)	12,00	11,96	0,04	Tân Bình	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 4
12	Dự án Mỏ đá xây dựng Thường Tân II (Khu khai thác đá của Công ty TNHH SX TM DV Long Sơn)	39,30		39,30	Thường Tân	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 18, 26
13	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty CP đá Hoa Tân An)	0,29		0,29	Thường Tân	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 30
c	Công trình, dự án thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất					

STT	HẠNG MỤC	Diện tích QH (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Xã, phường	Vị trí, Số tờ, Số thửa
1	Đầu giá quyền sử dụng đất lô DV2 trong khu TTHC và TĐC huyện nhằm bố trí Ngân hàng Thương mại	0,40		0,40	Tân Thành	Lô DV2 trong khu TTHC và TĐC huyện
2	Đầu giá quyền sử dụng đất lô C5 trong khu TTHC và TĐC huyện nhằm bố trí Bưu điện Huyện	0,34		0,34	Tân Thành	Lô C5 trong khu TTHC và TĐC huyện
3	Điện lực Bắc Tân Uyên	0,59		0,59	Tân Thành	Lô C10 trong khu TTHC và TĐC huyện
d	Công trình, dự án để lập thủ tục giao, thuê đất					
1	Công an xã Tân Mỹ	0,18		0,18	Tân Mỹ	Tờ 36
2	Công an xã Đất Cuốc	0,30		0,30	Đất Cuốc	Một phần thửa 29 tờ số 1
3	Công an xã Lạc An	0,37		0,37	Lạc An	Tờ 27
4	Công an xã Tân Lập (mở rộng)	0,07		0,07	Tân Lập	Thửa 169 tờ 10
5	Công an thị trấn Tân Thành	0,25		0,25	Tân Thành	Thửa đất số một phần thửa 61, tờ bản đồ số 12
6	Công an xã Tân Bình	0,19		0,19	Tân Bình	Thửa 818 tờ 21
7	Công an xã Tân Định	0,27		0,27	Tân Định	Tờ 19, thửa 693
8	Công an xã Bình Mỹ	0,16		0,16	Bình Mỹ	Một phần thửa 70 tờ 41
9	Trạm y tế xã Tân Bình	0,22		0,22	Tân Bình	Thửa 70 tờ bản đồ số 20
10	Trường mầm non Hoa Phong Lan	0,99		0,99	Tân Thành	Thửa 57, 58, 208, 1 phần thửa 59 tờ 12; thửa 223, tờ 11
11	Trường Tiểu học Tân Định	1,50		1,50	Tân Định	Thửa 7, tờ bản đồ số 48
12	Trường THPT Tân Bình	1,96		1,96	Tân Bình	Một phần thửa số 14, 15 tờ bản đồ 42
13	Chợ Lạc An	0,20		0,20	Lạc An	Thửa 863 tờ 33
14	Trung tâm hành chính huyện	40,73		40,73	Tân Thành	Tờ bản đồ số 27, 28
15	Khu dân cư, tái định cư xã Lạc An	7,96		7,96	Lạc An	Thửa 168, 169, 137, 1464, 1463, 1864, 1462, 1605, 1606, 1607, 1608, 1610, 1611, 1612, 1609, 1622, 1623, 1620, 1619, 1615, 1876 tờ 10, 25
16	Khu tái định cư TTHC huyện	10,00		10,00	Tân Thành	Tờ 27
17	Khu tái định cư Tân Mỹ	1,48		1,48	Tân Mỹ	
18	Khu tái định cư Thường Tân	3,00		3,00	Thường Tân	
19	Khu công viên vườn ươm huyện Bắc Tân Uyên	9,49		9,49	Tân Thành	Thửa 45, 65, 77 tờ bản đồ số 03, xã Tân Thành
20	Trường MN Tân Mỹ	1,62		1,62	Tân Mỹ	Thửa 624, tờ bản đồ số 36
21	Xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	1,51		1,51	Đất Cuốc	Một phần thửa đất số 66 tờ bản đồ số 37
22	Khu tái định cư và nhà ở cho công nhân thuộc khu công nghiệp Tân Bình	36,00		36,00	Tân Bình	Tờ số 42
23	Văn phòng Khu phố 3	0,10		0,10	Tân Thành	Một phần thửa 61 tờ 12
24	Mở rộng công an huyện (Khu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho Công an huyện Bắc Tân Uyên)	1,50		1,50	Đất Cuốc	Thửa đất số 39, 1 phần thửa số 38 tờ bản đồ số 30
25	Lữ đoàn 550- Quân đoàn 4	8,80		8,80	Hiếu Liêm	Thửa đất số 446, tờ bản đồ số 5
26	Trung tâm VH xã Lạc An	3,69		3,69	Lạc An	Thửa 303, 340 tờ 32
27	Trung Tâm VH xã Đất Cuốc	2,69		2,69	Đất Cuốc	Thửa 55 tờ bản đồ 01
28	Trung Tâm VH xã Tân Định (giai đoạn 1) và phần đất dự trữ xây dựng trường THCS Tân Định	5,00		5,00	Tân Định	Một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 47
29	Trung Tâm VH xã Tân Lập	3,00		3,00	Tân Lập	Một phần thửa 88 tờ bản đồ 16
30	Trung Tâm VH xã Hiếu Liêm	1,99		1,99	Hiếu Liêm	Thửa 1136 tờ 50
31	Mở rộng Trường Mầm non Hoa Cúc (xây dựng bổ sung mới 06 phòng học)	0,15		0,15	Bình Mỹ	Một phần thửa 46, tờ bản đồ 41
32	Trường MN Sơn Ca	1,66		1,66	Tân Định	Một phần thửa 88 tờ 47
33	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng xã Lạc An	0,15		0,15	Lạc An	Thửa 50,43, tờ 33
34	Khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	24,90		24,90	Đất Cuốc	Thửa đất số 31, 32, 33, 34, 35, 36, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, tờ bản đồ số 30
35	Khu di tích lịch sử Chiến khu Đ	34,07		34,07	Đất Cuốc	
36	Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore III	789,06	106,56	682,50	Tân Lập	
37	Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện BTU	0,20		0,20	Tân Thành	Lô C15, TTHC-TĐC BTU
II	Công trình đăng ký mới					

STT	HẠNG MỤC	Diện tích QH (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Xã, phường	Vị trí, Số tờ, Số thửa
1	Giáo xứ Tân Lập (CMĐSDĐ phục vụ xây dựng nhà thờ, nhà sinh hoạt)	0,74		0,74	Tân Lập	1 phần thửa 41, 42 tờ 9
2	Dự án bến thủy nội địa (Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên FiCo)	0,17		0,17	Thường Tân	thửa 45 tờ 32
3	Dự án bến thủy nội địa Công ty Cổ phần bến cảng Tân Trường Thành)	0,09		0,09	Thường Tân	thửa 228.tờ 32
4	Dự án Bến thủy nội địa (Công ty cổ phần Xây dựng Bình Dương)	0,90		0,90	Thường Tân	Thửa 285, 301, 303, tờ 29
5	dự án khai thác đá xây dựng (Công ty Cổ phần Miền Đông thành phố Hồ Chí Minh)	36,64		36,64	Thường Tân	Tờ bản đồ số 8, 16, 17
III	Chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân					
1	Nhu cầu chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở	81,62		81,62		
2	Nhu cầu chuyển từ đất nông nghiệp sang đất SKC	132,39		132,39		
3	Nhu cầu chuyển từ đất nông nghiệp sang đất TMD	150,00		150,00		
4	Nhu cầu chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	49,05		49,05		